

Bản án số: 89/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 14/9/2021

V/v Tranh chấp hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị An

Các Hội thẩm nhân dân: 1, Bà Nguyễn Thị Kim Thu
2, Bà Nguyễn Thị T Mai

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Hoàng Yến – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Diệu Ngọc - Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố N, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 442/2021/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2021 về tranh chấp Hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 09/8/2021 giữa các đương sự:

+ **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1969 (có mặt)

+ **Bị đơn:** Anh Hoàng Ngọc H, sinh năm 1965 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường B, thành phố N, tỉnh Thái Nguyên

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 10/6/2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hoàng Ngọc H kết hôn năm 1991, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H, tỉnh Bắc Thái, (nay là phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên) trên cơ sở tự nguyện và có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại Tổ dân phố Đ, phường B, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc trong những năm đầu nhưng mấy năm gần đây thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H nghiện rượu, thường xuyên uống rượu và say xỉn, chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh H không bỏ được thói quen xấu này. Vợ chồng chị đã ly thân nhau từ năm 2020 đến nay, mặc dù vẫn chung

sống trong một nhà nhưng không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Tuy nhiên, mâu thuẫn của vợ chồng chỉ những người trong gia đình biết rõ, còn người ngoài không biết vì chị không muốn nói ra. Chị đã nói chuyện với anh H về việc ly hôn, anh H có nói là chị muốn làm gì thì làm, nên chị xác định tình trạng hôn nhân của vợ chồng không thay đổi được. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Hoàng Ngọc T, sinh ngày 26/8/1992. Hiện nay con chung đã trưởng thành, không bị mất năng lực hành vi dân sự, không bị mất khả năng lao động nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị xác định không có.

Bị đơn anh Hoàng Ngọc H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có lời khai. Tại Biên bản làm việc của Tòa án ngày 23/7/2021, tại gia đình anh H, anh H có ý kiến như sau: Anh và chị T là vợ chồng, có 01 con chung đã trưởng thành. Trong quá trình chung sống, vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Việc chị T gửi đơn xin ly hôn đến Tòa án, anh đã biết. Anh đề nghị Tòa án hủy đơn ly hôn của chị T vì thực chất khi anh uống rượu thì bức tức trong người nên anh có nói khó nghe với vợ, bản thân anh vẫn yêu thương vợ. Nếu chị T không rút đơn xin ly hôn thì chị T muốn làm gì thì làm, còn anh sẽ không bao giờ đến Tòa án để giải quyết, anh cũng không viết bản tự khai để nộp cho Tòa án. Việc Tòa án giải quyết như thế nào, anh không quan tâm, anh cũng không có yêu cầu giải quyết gì về tài sản.

Ý kiến của Tổ trưởng Tổ dân phố nơi vợ chồng anh H, chị T sinh sống cho biết: Trong quá trình sinh sống ở địa phương không thấy anh H và chị T có biểu hiện mâu thuẫn ở bên ngoài, còn thực tế trong gia đình, vợ chồng có mâu thuẫn hay không thì bà không biết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành các quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều: 21, 28, 39, 147, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều: 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý

và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T, cho chị T được ly hôn anh H.

Về con chung: Chị T và anh H có 01 con chung là Hoàng Ngọc T1, sinh năm 1992. Con chung đã trưởng thành nên không giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

Về án phí: Chị T phải nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong vụ án này, bị đơn thường trú tại tổ dân phố Đ, phường B, thành phố N, tỉnh Thái Nguyên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố N theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Hoàng Ngọc H đã được triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng anh H vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tòa án cũng đã hai lần tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập phiên tòa cho bị đơn nhưng tại phiên tòa lần thứ hai, anh H vẫn vắng mặt nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Hoàng Ngọc H.

[2] Về nội dung:

Chị Nguyễn Thị T và anh Hoàng Ngọc H kết hôn năm 1991, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H, tỉnh Bắc Thái, nay là UBND phường Đ, thành phố N, tỉnh Thái Nguyên, trên cơ sở tự nguyện nên là cuộc hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Về tình trạng hôn nhân, căn cứ lời khai của nguyên đơn và nội dung biên bản làm việc của Tòa án, có cơ sở xác định: Sau khi kết hôn, vợ chồng anh H, chị T chung sống hạnh phúc trong những năm đầu nhưng dần dần nảy sinh mâu thuẫn vì lý do anh H nghiện rượu, dù chị T đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh H không bỏ được thói quen xấu này. Khi mâu thuẫn căng thẳng, vợ chồng đã ly thân nhau từ năm 2020 đến nay. Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014:

“1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác”.

Trong trường hợp này, chị T và anh H thực tế đã không còn thương yêu, quan tâm đến nhau nữa. Mặt khác, anh H đã biết việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn của vợ chồng mình, anh cũng hai lần nhận được thông báo về việc hòa giải nhưng anh không đến. Điều đó cho thấy, anh không có động thái nào thể hiện mong muốn níu kéo cuộc hôn nhân. Vì vậy, có cơ sở xác định, tình trạng hôn nhân của chị T và anh H đã trở nên mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm và không thể chung sống được với nhau nữa, vi phạm quy định về tình nghĩa vợ chồng theo Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình. Nếu tiếp tục kéo dài cuộc hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, cho chị T được ly hôn với anh H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

+ Về con chung: Chị T và anh H có 01 con chung Hoàng Ngọc T1, sinh ngày 26/8/1992. Con Hoàng Ngọc T1 đã trưởng thành, không bị mất năng lực hành vi dân sự, không bị mất khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về việc nuôi con.

+ Về tài sản chung: Chị T xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị T xác định không có. Anh H không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng.

[3] Về án phí:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung quỹ nhà nước.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tố tụng và nội dung giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T đối với anh Hoàng Ngọc H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Hoàng Ngọc H.

2. Về con chung: Chị T và anh H có 01 con chung là Hoàng Ngọc T1, sinh ngày 26/8/1992. Con chung đã trưởng thành.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

4. Án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước. Được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004918 ngày 16/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N, tỉnh Thái Nguyên.

Chị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP Thái Nguyên;
- Chi cục THADS TPTN ;
- UBND phường Đồng Bẩm;
- Lưu: HS VA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)